

BỘ NỘI VỤ
Số: 89/2003/TT-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2003

THÔNG TƯ

Về việc hướng dẫn thực hiện về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước

Căn cứ Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 26 tháng 02 năm 1998 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh cán bộ, công chức ngày 29 tháng 4 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ; Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp nhà nước, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện phân cấp quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp như sau:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Biên chế hành chính là số cán bộ, công chức trong biên chế nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ hưởng lương từ ngân sách nhà nước, làm việc trong các cơ quan có chức năng quản lý hành chính nhà nước sau đây:

1.1. Các cơ quan ở Trung ương

1.1.1. Vụ, thanh tra, văn phòng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; vụ, thanh tra, văn phòng của cơ quan thuộc Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 2 của Nghị định số 30/2003/NĐ-CP ngày 01/4/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của cơ quan thuộc Chính phủ;

1.1.2. Tổng cục, cục, và các tổ chức tương đương thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ cấu bên trong của các tổ chức này).

1.2. Các cơ quan ở địa phương

1.2.1. Cấp tỉnh: Các sở, ban, thanh tra, chi cục thuộc sở, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Ủy ban nhân dân (trừ các đơn vị sự nghiệp thuộc cơ cấu bên trong của tổ chức này);

1.2.2. Cấp huyện: Các phòng, thanh tra, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân.

2. Biên chế sự nghiệp (kể cả Trung ương và địa phương) là số cán bộ, viên chức quy định tại khoản 2 Điều 2 của Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ, hưởng lương từ ngân sách nhà nước và các nguồn thu sự nghiệp theo quy định của pháp luật, làm việc trong các đơn vị sự nghiệp nhà nước (bao gồm cả số cán bộ làm nhiệm vụ quản lý và viên chức phục vụ quản lý của các đơn vị sự nghiệp); biên chế sự nghiệp được phân loại như sau:

2.1. Biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo là số viên chức làm việc trong các đơn vị công lập: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, cao đẳng, đại học, học viện, trung tâm kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, dạy nghề, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

2.2. Biên chế sự nghiệp y tế là số viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, làm nhiệm vụ phòng bệnh, chữa bệnh, điều dưỡng và phục hồi chức năng; trạm y tế cấp xã, trung tâm y tế cấp huyện, bệnh viện khu vực, bệnh viện tuyến tỉnh; bệnh viện và viện có giường bệnh thuộc các bộ, ngành; các bệnh viện, trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng; các viện, trung tâm, trạm, đội làm công tác dự phòng;

2.3. Biên chế sự nghiệp khoa học là số viên chức làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ công lập: viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ thuộc các bộ, ngành Trung ương và địa phương quản lý;

2.4. Biên chế sự nghiệp văn hoá - thông tin và thể thao là số viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập, hoạt động trong lĩnh vực: báo chí, văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao; đài phát thanh, truyền hình, đài truyền thanh; thông tấn

xã, các phân xã; tạp chí ngành; đoàn nghệ thuật, nhà hát, nhà văn hoá; bảo tàng, di tích, thư viện; trung tâm thể dục, thể thao.v.v...;

2.5. Biên chế sự nghiệp khác là số viên chức làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập không thuộc các lĩnh vực quy định tại các điểm 2.1, 2.2, 2.3, 2.4, nêu trên, (bảo hiểm xã hội, khí tượng thuỷ văn, dự trữ quốc gia; các trung tâm, trạm, trại, ban quản lý rừng, lưu trữ...).

3. Theo phân cấp của Chính phủ, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là bộ, ngành) và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là UBND tỉnh) chịu trách nhiệm về quyết định việc điều chỉnh tổng chỉ tiêu biên chế sự nghiệp của cơ quan mình trên cơ sở số biên chế sự nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đến ngày 31 tháng 12 năm 2003 và khối lượng nhiệm vụ, kinh phí sự nghiệp được tăng thêm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao.

II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Kế hoạch biên chế

1.1. Căn cứ vào yêu cầu và nội dung xây dựng kế hoạch biên chế quy định tại các Điều 5, 6, 7 của Nghị định số 71/2003/NĐ-CP ngày 19/6/2003 của Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng bộ, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Vụ (Ban) Tổ chức Cán bộ, Sở Nội vụ và các đơn vị trực thuộc bộ, ngành và địa phương mình xây dựng kế hoạch biên chế hàng năm;

1.2. Vụ (Ban) Tổ chức Cán bộ của các bộ, ngành, Sở Nội vụ của các tỉnh, tổng hợp, thẩm định kế hoạch biên chế của các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành, địa phương; xây dựng kế hoạch biên chế của bộ, ngành và địa phương mình; sau khi thống nhất với cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo lãnh đạo bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biên chế sự nghiệp, thông qua biên chế hành chính trước khi báo cáo Bộ Nội vụ;

1.3. Đối với cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp để quyết định tổng biên chế sự nghiệp ở địa phương phù hợp với yêu cầu phát triển và